

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**

---

*Tháng 08 năm 2025*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 42

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đoàn Tùng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên	
Ông Hồ Xuân Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 17/06/2025
Ông Vanfleteren Zamiel	Thành viên	

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Phương Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Học	Thành viên
Bà Hoàng Thị Huyền	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Quân	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

**Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán**

Bà Nguyễn Thu Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 08/07/2025
Bà Đậu Thị Thảo	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/01/2025

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Quân - Tổng Giám đốc.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Căn cứ nghị quyết HĐQT số 10/2025/APS/NQ-HĐQT ngày 07/07/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán - Châu Á Thái Bình Dương, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của bà Nguyễn Thu Hương từ ngày 08/07/2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Đức Quân**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



Số: 871/2025/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2025, khoản mục “Tạm ứng” Mã số 131 trên Bảng cân đối kế toán bao gồm khoản tạm ứng cho các cá nhân là nhân viên công ty với mục đích tạm ứng kinh doanh số tiền 143,6 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 144,6 tỷ đồng). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là những khoản có thể gây ra tổn thất tài sản và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị. Tuy nhiên, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, mục đích cũng như tính hợp lý của các khoản tạm ứng này.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

3660-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>695.679.658.269</b>	<b>740.144.552.517</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>549.282.393.751</b>	<b>593.668.476.273</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	109.687.016.821	85.504.471.899
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>16.687.016.821</i>	<i>17.504.471.899</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>93.000.000.000</i>	<i>68.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3	427.256.034.618	481.789.364.271
Các khoản cho vay	114	7.1	147.637.778.513	162.835.076.787
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.2	(10.883.021.268)	(10.706.202.453)
Các khoản phải thu	117	8	10.579.915.774	9.575.904.318
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>10.579.915.774</i>	<i>9.575.904.318</i>
Trả trước cho người bán	118	8	3.059.896.259	3.279.896.259
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	6.701.855.246	6.701.855.246
Các khoản phải thu khác	122	8	7.890.530.495	8.322.941.653
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	15	(152.647.612.707)	(153.634.831.707)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>146.397.264.518</b>	<b>146.476.076.244</b>
Tạm ứng	131	9	145.186.822.554	145.556.942.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	317.012.512	56.194.365
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	89.000.000	59.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	804.429.452	803.939.182
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.924.905.831</b>	<b>74.995.156.684</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.876.759.958</b>	<b>8.744.722.925</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	4.937.646.184	5.230.809.157
- Nguyên giá	222		16.358.087.824	16.237.967.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.420.441.640)	(11.007.158.667)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.939.113.774	3.513.913.768
- Nguyên giá	228		10.507.527.488	10.507.527.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.568.413.714)	(6.993.613.720)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>74.048.145.873</b>	<b>66.250.433.759</b>
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	88.449.278	76.652.629
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		55.811.680.073	47.983.515.140
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	18.148.016.522	18.190.265.990
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>777.604.564.100</b>	<b>815.139.709.201</b>





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.323.054.463</b>	<b>12.093.168.764</b>
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.323.054.463</b>	<b>7.462.168.764</b>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		276.460.096	284.981.813
Phải trả người bán ngắn hạn	320	17	1.264.704.680	208.379.972
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		776.900.000	776.900.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	672.567.636	1.005.315.961
Phải trả người lao động	323		777.139.509	1.854.077.978
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		483.477.584	347.868.964
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		436.693.638	490.715.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	1.244.613.331	2.103.430.373
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		390.497.989	390.497.989
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>4.631.000.000</b>
Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	4.631.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>771.281.509.637</b>	<b>803.046.540.437</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>771.281.509.637</b>	<b>803.046.540.437</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		843.759.450.000	843.759.450.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		830.000.000.000	830.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		830.000.000.000	830.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		13.759.450.000	13.759.450.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.868.000.000	2.868.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(75.345.940.363)	(43.580.909.563)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		147.900.779.927	148.353.150.995
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(223.246.720.290)	(191.934.060.558)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>777.604.564.100</b>	<b>815.139.709.201</b>

  
Nguyễn Thu Phương  
Người lập biểu

  
Đặng Thị Thảo  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Đức Quân  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	20	83.000.000	83.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	253.182.850.000	259.087.850.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	30.430.000	30.430.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	217.358.190.000	217.358.190.000
<b>Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư</b>	<b>021</b>	<b>20.4</b>	<b>2.729.795.250.000</b>	<b>2.728.852.880.000</b>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.617.190.760.000	2.582.842.920.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		88.404.400.000	88.484.400.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		10.540.000.000	10.540.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		3.610.500.000	10.160.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		10.049.590.000	46.975.400.000
<b>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư</b>	<b>022</b>	<b>24</b>	<b>70.561.340.000</b>	<b>59.151.720.000</b>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		70.561.340.000	59.151.720.000
<b>Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư</b>	<b>023</b>	<b>20.6</b>	<b>24.709.679.040</b>	<b>39.058.064.300</b>
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>026</b>	<b>25</b>	<b>145.651.906.043</b>	<b>136.507.636.823</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		145.276.926.468	136.142.795.778
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		149.284.294	147.048.691
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		84.316.951	82.146.100
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		64.967.343	64.902.591
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		225.695.281	217.792.354



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	145.426.210.762	136.289.844.469
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		145.162.559.654	136.026.470.941
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		263.651.108	263.373.528
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	26	225.695.281	217.792.354

Nguyễn Thu Phương  
Người lập biểu

Đặng Thị Thảo  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Quân  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		57.324.579.945	165.098.339.833
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		157.371.611	11.337.044.597
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		55.428.356.984	153.686.295.236
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		1.738.851.350	75.000.000
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		1.860.810.954	765.717.808
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		5.568.423.483	7.717.624.574
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		2.886.673.480	4.034.194.477
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		346.016.625	363.433.799
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		160.000.000	1.130.000.000
Cộng doanh thu hoạt động	20	27	68.146.504.487	179.109.310.491
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		95.883.988.248	125.012.148.863
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		1.314.806.599	410.457.878
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		94.569.181.649	124.601.690.985
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		176.818.815	350.690.031
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		2.923.175.917	3.353.926.417
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		541.272.878	524.474.302
Chi phí các dịch vụ khác	32		330.000	1.011.698
Cộng chi phí hoạt động	40	28	99.525.585.858	129.242.251.311
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42		19.643.776	26.386.798
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		19.643.776	26.386.798
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52	29	18.171.616	275.602.849
Cộng chi phí tài chính	60		18.171.616	275.602.849
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	30	8.217.920.782	6.444.141.869
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(39.595.529.993)	43.173.701.260

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		2.334.260	1.355.682
Chi phí khác	72		-	108.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác	80		2.334.260	(106.644.318)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(39.593.195.733)	43.067.056.942
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(452.371.068)	13.982.452.691
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(39.140.824.665)	29.084.604.251
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		(7.828.164.933)	7.908.011.388
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	31	-	2.091.090.537
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(7.828.164.933)	5.816.920.851
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(31.765.030.800)	35.159.045.554
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	33	(383)	424
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(383)	424

**Nguyễn Thu Phương**  
Người lập biểu

**Đậu Thị Thảo**  
Phụ trách kế toán



**Nguyễn Đức Quân**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>(39.593.195.733)</b>	<b>43.067.056.942</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>		<b>(10.384.061.376)</b>	<b>(8.086.781.467)</b>
- Khấu hao TSCĐ	03		988.082.967	883.838.082
- Các khoản dự phòng	04		(810.400.185)	(3.209.309.969)
- Chi phí lãi vay	06		18.171.616	275.602.849
- Dự thu tiền lãi	08		(10.579.915.774)	(6.036.912.429)
<b>Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>94.569.181.649</b>	<b>124.601.690.985</b>
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		94.569.181.649	124.601.690.985
<b>Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>(55.428.356.984)</b>	<b>(153.686.295.236)</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(55.428.356.984)	(153.686.295.236)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>39.770.097.366</b>	<b>(39.199.357.890)</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		15.392.504.988	(16.959.274.719)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		15.197.298.274	(12.926.913.975)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		9.575.904.318	3.186.993.609
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		-	1.100.000.000
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		652.411.158	(6.830.254.091)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		369.629.873	5.835.875.756
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(54.022.076)	41.446.480
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(272.614.796)	(172.206.747)
- Thuế TNDN đã nộp	43		-	(4.950.186.869)
(-) Lãi vay đã trả	44		(18.171.616)	(275.602.849)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		1.047.802.991	141.920.264
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		135.608.620	(70.456.430)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(332.748.325)	190.002.089
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(1.076.938.469)	(4.052.508.237)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(858.817.042)	(2.827.402.813)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		12.249.468	(630.789.358)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>28.933.664.922</b>	<b>(33.303.686.666)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(120.120.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	70		(120.120.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(4.631.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	80		(4.631.000.000)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		24.182.544.922	(33.303.686.666)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	101	6	85.504.471.899	150.983.864.246
- Tiền	101.1		17.504.471.899	29.983.864.246
- Các khoản tương đương tiền	101.2		68.000.000.000	121.000.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	103	6	109.687.016.821	117.680.177.580
- Tiền	103.1		16.687.016.821	65.680.177.580
- Các khoản tương đương tiền	103.2		93.000.000.000	52.000.000.000



**Nguyễn Thu Phương**  
Người lập biểu



**Đậu Thị Thảo**  
Phụ trách kế toán




**Nguyễn Đức Quân**  
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

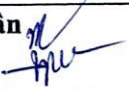
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,  
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		295.476.031.580	307.549.915.180
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(216.996.593.170)	(274.185.905.550)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		412.138.109.647	529.660.257.767
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(481.135.165.139)	(584.766.373.569)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(346.016.625)	(363.433.799)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng	14		19.528.958.205	19.288.348.559
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(19.521.055.278)	(18.442.989.592)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>9.144.269.220</b>	<b>(21.260.181.004)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>136.507.636.823</b>	<b>163.150.474.981</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		136.142.795.778	157.806.097.943
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		147.048.691	4.869.765.531
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		217.792.354	474.611.507
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>145.651.906.043</b>	<b>141.890.293.977</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		145.276.926.468	134.909.118.181
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		149.284.294	5.661.205.322
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		225.695.281	1.319.970.474

  
**Nguyễn Thu Phương**  
Người lập biểu

  
**Đặng Thị Thảo**  
Phụ trách kế toán

  
**Nguyễn Đức Quân**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025





BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2024	Tại 01/01/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		Tại 30/06/2024	Tại 30/06/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	19	781.263.698.921	803.046.540.437	35.159.045.554	-	-	31.765.030.800	816.422.744.475	771.281.509.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	843.759.450.000	843.759.450.000	-	-	-	-	843.759.450.000	843.759.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	19	830.000.000.000	830.000.000.000	-	-	-	-	830.000.000.000	830.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19	13.759.450.000	13.759.450.000	-	-	-	-	13.759.450.000	13.759.450.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	19	2.868.000.000	2.868.000.000	-	-	-	-	2.868.000.000	2.868.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	19.1	(65.363.751.079)	(43.580.909.563)	35.159.045.554	-	-	31.765.030.800	(30.204.705.525)	(75.345.940.363)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	19.1	116.247.818.279	148.353.150.995	11.891.362.154	-	-	452.371.068	128.139.180.433	147.900.779.927
- Lợi nhuận chưa thực hiện	19.1	(181.611.569.358)	(191.934.060.558)	23.267.683.400	-	-	31.312.659.732	(158.343.885.958)	(223.246.720.290)
Cộng		781.263.698.921	803.046.540.437	35.159.045.554	-	-	31.765.030.800	816.422.744.475	771.281.509.637

  
Nguyễn Thu Phương  
Người lập biểu

  
Đặng Thị Thảo  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Đức Quân  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102121412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 25/12/2024 với vốn điều lệ của Công ty là 830.000.000.000 VND; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2015.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 81/UBCK-GP ngày 27/09/2021 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 780.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 830.000.000.000 VND.

Giấy phép điều chỉnh số 77/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2023 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thay đổi Người đại diện theo Pháp luật.

Địa chỉ theo Giấy phép điều chỉnh là: Tầng 03, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành năm 2006 và sửa đổi vào ngày 11/01/2022. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán APS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 28 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 38 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa nhà MB Sunny Tower, số 259 Trần Hưng Đạo, phường Ông Cầu Lãn, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Huế	Số 28 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Ninh, tỉnh Thừa Thiên Huế



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**Hạn chế đầu tư**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT\_BTC (“Thông tư 121”) do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - + Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - + Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - + Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
  - + Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2.2 KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**4.1 Ước tính kế toán:**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.3 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán:**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư:**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc uỷ thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.5 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán:**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xoá lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

**4.6 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán:**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01 % trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**4.7 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thoả mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp đồng phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (Tiếp)**

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**4.8 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thoả mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau khi nhận ban đầu theo giá gốc dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**4.9 Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/ giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của Chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và các chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị thị trường với chứng khoán bị huỷ hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

**4.11 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**4.13 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.14 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)</b>
- Máy móc thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

**4.15 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

**4.16 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; Hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.17 Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**4.18 Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

**4.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.20 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

**4.21 Doanh thu**

• ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi có định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.21 Doanh thu (Tiếp)**

- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

- **Thu nhập hoạt động khác:**

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

**4.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; Doanh thu đầu tư khác.

**4.23 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**4.24 Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.24 Chi phí hoạt động (Tiếp)**

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ khác.

**4.25 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.26 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**4.27 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	Cổ phiếu	VND
Của Công ty chứng khoán	465.300	143.225.070.000
- Cổ phiếu	465.300	143.225.070.000
Của Nhà đầu tư	267.031.859	4.116.335.598.310
- Cổ phiếu	267.031.859	4.116.335.598.310
Cộng	267.497.159	4.259.560.668.310

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	24.210.958	3.008.958
- Tiền gửi ngân hàng	14.617.132.081	12.022.221.539
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.045.673.782	5.479.241.402
- Tương đương tiền	93.000.000.000	68.000.000.000
Cộng	109.687.016.821	85.504.471.899

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025

đến ngày 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**7.1 Các khoản cho vay**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Hoạt động ứng trước tiền bán (1)	8.039.113.615	8.039.113.615	25.582.648.650	25.582.648.650
- Gốc cho vay hoạt động Margin (2)	139.598.664.898	128.715.643.630	137.252.428.137	126.546.225.684
<b>Cộng</b>	<b>147.637.778.513</b>	<b>136.754.757.245</b>	<b>162.835.076.787</b>	<b>152.128.874.334</b>

- (1) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.
- (2) Chứng khoán nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.
- (3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**7.2 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(10.883.021.268)	(10.706.202.453)
<b>Cộng</b>	<b>(10.883.021.268)</b>	<b>(10.706.202.453)</b>

**7.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Tài sản FVTPL	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>706.314.434.981</b>	<b>427.256.034.618</b>	<b>721.706.939.969</b>	<b>481.789.364.271</b>
Cổ phiếu niêm yết	484.001.915.140	260.482.858.850	499.394.420.128	321.029.627.250
Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)	481.088.402	74.575.700	481.088.402	60.781.900
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	166.698.600.068	221.831.431.439	160.698.955.121
<b>Cộng</b>	<b>706.314.434.981</b>	<b>427.256.034.618</b>	<b>721.706.939.969</b>	<b>481.789.364.271</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7.4 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính**

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2025					01/01/2025				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)
I	FVTPL										
1	Cổ phiếu niêm yết	484.001.915.140	260.482.858.850	1.897.550.061	225.416.606.351	260.482.858.850	499.394.420.128	321.029.627.250	4.196.447.961	182.561.240.839	321.029.627.250
	API	188.805.999.564	76.015.368.000	-	112.790.631.564	76.015.368.000	188.805.999.564	85.930.416.000	-	102.875.583.564	85.930.416.000
	IĐJ	169.750.661.000	77.236.044.700	-	92.514.616.300	77.236.044.700	169.750.661.000	96.955.885.900	-	72.794.775.100	96.955.885.900
	TNH	24.789.691.437	23.170.455.000	-	1.619.236.437	23.170.455.000	32.166.190.075	27.500.667.900	-	4.665.522.175	27.500.667.900
	CSC	30.964.380.000	24.359.511.600	-	6.604.868.400	24.359.511.600	30.964.380.000	32.008.633.600	1.044.253.600	-	32.008.633.600
	TLG	23.656.640.000	21.040.000.000	-	2.616.640.000	21.040.000.000	23.656.640.000	25.042.000.000	1.385.360.000	-	25.042.000.000
	FPT	19.400.850.000	15.366.000.000	-	4.034.850.000	15.366.000.000	19.400.850.000	19.825.000.000	424.150.000	-	19.825.000.000
	VFG	16.125.353.650	12.273.590.000	-	3.851.763.650	12.273.590.000	17.000.900.000	16.220.000.000	-	780.900.000	16.220.000.000
	MWG	8.507.747.811	9.825.000.000	1.317.252.189	-	9.825.000.000	8.507.747.811	9.150.000.000	642.252.189	-	9.150.000.000
	MSN	-	-	-	-	-	7.140.460.000	7.000.000.000	-	140.460.000	7.000.000.000
	AAT	2.000.000.000	616.000.000	-	1.384.000.000	616.000.000	2.000.000.000	696.000.000	-	1.304.000.000	696.000.000
	Các cổ phiếu niêm yết khác	591.678	580.889.550	580.297.872	-	580.889.550	591.678	701.023.850	700.432.172	-	701.023.850
2	Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch (UPCOM)	481.088.402	74.575.700	-	406.512.702	74.575.700	481.088.402	60.781.900	-	420.306.502	60.781.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG  
Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho giai đoạn từ 01/01/2025  
đến 30/06/2025  
B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)  
7.4 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (Tiếp)

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2025					01/01/2025				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	CL đánh giá tại cuối kỳ		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu năm	CL đánh giá tại đầu năm		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	166.698.600.068	-	55.132.831.371	166.698.600.068	221.831.431.439	160.698.955.121	-	56.777.143.360	160.698.955.121
	Công ty CP Tập đoàn Apec Group	150.150.000.000	125.998.955.121	-	24.151.044.879	125.998.955.121	150.150.000.000	125.998.955.121	-	24.151.044.879	125.998.955.121
	Công ty Cổ phần Apec Finance	30.030.000.000	29.500.000.000	-	530.000.000	29.500.000.000	30.030.000.000	29.500.000.000	-	530.000.000	29.500.000.000
	Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481	-	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481	-
	Công ty CP Len Hà Đông	1.733.700.000	1.733.700.000	-	-	1.733.700.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	-
	Cổ phiếu Thủy sản Minh Hải	1.902.937.958	1.902.937.958	-	-	1.902.937.958	5.625.000.000	-	-	-	-
	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.625.000.000	-
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.800.000.000	2.363.006.985	-	2.436.993.015	2.363.006.985	4.800.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
	Công ty CP Đường sắt Phía Nam	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	4.800.000.000	-
	Các cổ phiếu khác	12.343.695.000	4	-	12.343.694.996	4	4.355.332.958	-	-	1.000.000.000	-
	Tổng	706.314.434.981	427.256.034.618	1.897.550.061	280.955.950.424	427.242.240.818	721.706.939.969	481.789.364.271	4.196.447.961	239.758.690.701	481.789.364.271



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</b>	<b>10.579.915.774</b>	<b>9.575.904.318</b>
- Dự thu lãi cho vay margin	10.579.915.774	9.575.904.318
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>3.059.896.259</b>	<b>3.279.896.259</b>
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000
- Các khoản trả trước khác	629.638.259	849.638.259
<b>Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>6.701.855.246</b>	<b>6.701.855.246</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	3.597.188.000	3.597.188.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	2.497.945.000	2.497.945.000
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính khác	606.722.246	606.722.246
<b>Phải thu khác</b>	<b>7.890.530.495</b>	<b>8.322.941.653</b>
- Sửa lỗi giao dịch chứng khoán	4.548.366.937	4.548.366.937
- Các đối tượng khác	3.342.163.558	3.774.574.716
<b>Cộng</b>	<b>28.232.197.774</b>	<b>27.880.597.476</b>

**9. TẠM ỨNG**

Số dư các khoản tạm ứng chủ yếu là những khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện giao dịch thu mua cổ phần của các Công ty mục tiêu và thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa lưu trữ đầy đủ các hồ sơ liên quan.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>317.012.512</b>	<b>56.194.365</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí hỗ trợ phần mềm	317.012.512	56.194.365
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>88.449.278</b>	<b>76.652.629</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	59.274.334	65.707.077
- Các chi phí khác	29.174.944	10.945.552
<b>Cộng</b>	<b>405.461.790</b>	<b>132.846.994</b>

**11. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>89.000.000</b>	<b>59.000.000</b>
- Ký quỹ, ký cược	89.000.000	59.000.000
<b>Cộng</b>	<b>89.000.000</b>	<b>59.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
- Tiền nộp bổ sung hàng năm	10.116.332.275	9.134.849.835
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	7.536.746.071	8.560.477.979
<b>Cộng</b>	<b>18.148.016.522</b>	<b>18.190.265.990</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2025	10.154.317.488	353.210.000	10.507.527.488
30/06/2025	10.154.317.488	353.210.000	10.507.527.488
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
01/01/2025	(6.640.403.720)	(353.210.000)	(6.993.613.720)
Khấu hao trong kỳ	(574.799.994)	-	(574.799.994)
30/06/2025	(7.215.203.714)	(353.210.000)	(7.568.413.714)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2025	3.513.913.768	-	3.513.913.768
30/06/2025	2.939.113.774	-	2.939.113.774

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 4.759.527.488 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 4.759.527.488 đồng).

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2025	7.589.276.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.237.967.824
Tăng do mua mới	120.120.000	-	-	120.120.000
30/06/2025	7.709.396.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.358.087.824
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
01/01/2025	(2.358.467.495)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(11.007.158.667)
Khấu hao trong kỳ	(413.282.973)	-	-	(413.282.973)
30/06/2025	(2.771.750.468)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(11.420.441.640)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2025	5.230.809.157	-	-	5.230.809.157
30/06/2025	4.937.646.184	-	-	4.937.646.184

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 9.010.103.824 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 9.010.103.824 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,

Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**B09a-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. DỰ PHÒNG SUY GIẢM CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Giá trị phải thu khó đòi Ngày 30/06/2025  VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			
		01/01/2025	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	30/06/2025
		VND	VND	VND	VND
<b>1. Ứng trước người bán</b>	<b>2.851.886.235</b>	<b>2.851.886.235</b>	-	-	<b>2.851.886.235</b>
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000	-	-	2.430.258.000
- Công ty TNHH MTV Phần mềm Bảo Thạch	195.000.000	195.000.000	-	-	195.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật - Thương mại Sao Việt	111.067.476	111.067.476	-	-	111.067.476
- Các đối tượng khác	115.560.759	115.560.759	-	-	115.560.759
<b>2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>264.722.246</b>	<b>264.722.246</b>	-	-	<b>264.722.246</b>
- Các đối tượng khác	264.722.246	264.722.246	-	-	264.722.246
<b>3. Dự phòng các khoản phải thu khác</b>	<b>5.397.831.870</b>	<b>5.397.831.870</b>	-	-	<b>5.397.831.870</b>
- Sửa lỗi giao dịch	4.548.366.937	4.548.366.937	-	-	4.548.366.937
- Các đối tượng khác	849.464.933	849.464.933	-	-	849.464.933
<b>4. Tạm ứng (*)</b>	<b>144.133.172.356</b>	<b>145.120.391.356</b>	-	<b>987.219.000</b>	<b>144.133.172.356</b>
<b>Cộng</b>	<b>152.647.612.707</b>	<b>153.634.831.707</b>	-	<b>987.219.000</b>	<b>152.647.612.707</b>

(\*) Trong đó, chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các cá nhân trong công ty với mục đích kinh doanh số tiền là 143,6 tỷ đồng (tại 01/01/2025 là 144,6 tỷ đồng). Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, các cá nhân chưa hoàn trả tạm ứng nên Ban Tổng Giám Đốc đã trích lập dự phòng 100% với giá trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,

Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**B09a-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ cần trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế thu nhập cá nhân từ lương	174.069.958	543.928.380	540.333.852	177.664.486
- Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	831.246.003	3.199.082.201	3.535.425.054	494.903.150
- Thuế thu nhập cá nhân từ trái phiếu	-	3.057.534	3.057.534	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.005.315.961</b>	<b>3.749.068.115</b>	<b>4.081.816.440</b>	<b>672.567.636</b>

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực thu/ cần trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	794.564.358	-	-	794.564.358
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.374.824	16.376.050	16.866.320	9.865.094
<b>Cộng</b>	<b>803.939.182</b>	<b>16.376.050</b>	<b>16.866.320</b>	<b>804.429.452</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Truyền thông ICON	46.788.359	46.788.359
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	169.264.708	70.440.000
- Công ty Cổ phần Fourier Solution	957.500.000	-
- Các đối tượng khác	91.151.613	91.151.613
<b>Cộng</b>	<b>1.264.704.680</b>	<b>208.379.972</b>

**18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Khách hàng cá nhân	715.449.958	715.449.958
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	858.530.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	455.867.000	455.867.000
- Các khoản phải trả khác	73.296.373	73.583.415
<b>Cộng</b>	<b>1.244.613.331</b>	<b>2.103.430.373</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025		01/01/2025	
Cổ đông	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Ông Nguyễn Đỗ Lăng	118.724.400.000	14,3%	118.724.400.000	14,3%
- Các cổ đông khác	711.275.600.000	85,7%	711.275.600.000	85,7%
<b>Cộng</b>	<b>830.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>830.000.000.000</b>	<b>100%</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG  
Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho giai đoạn từ 01/01/2025  
đến 30/06/2025  
B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19.2 THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2024	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(65.363.751.079)	781.263.698.921
Tăng trong năm	-	-	-	21.782.841.516	21.782.841.516
Tại 31/12/2024	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(43.580.909.563)	803.046.540.437
Tại 01/01/2025	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(43.580.909.563)	803.046.540.437
Tăng trong kỳ	-	-	-	(31.765.030.800)	(31.765.030.800)
Tại 30/06/2025	830.000.000.000	13.759.450.000	2.868.000.000	(75.345.940.363)	771.281.509.637



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2025 Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2025 Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.000.000	83.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>83.000.000</b>	<b>83.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>83.000.000</b>	<b>83.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH**

	<b>30/06/2025 Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2025 Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu đang lưu hành	83.000.000	83.000.000
<b>Cộng</b>	<b>83.000.000</b>	<b>83.000.000</b>

**21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	253.182.850.000	259.087.850.000
<b>Cộng</b>	<b>253.182.850.000</b>	<b>259.087.850.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	217.358.190.000	217.358.190.000
<b>Cộng</b>	<b>217.358.190.000</b>	<b>217.358.190.000</b>

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	30.430.000	30.430.000
<b>Cộng</b>	<b>30.430.000</b>	<b>30.430.000</b>

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	70.561.340.000	59.151.720.000
<b>Cộng</b>	<b>70.561.340.000</b>	<b>59.151.720.000</b>

**25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>145.276.926.468</b>	<b>136.142.795.778</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	145.063.436.477	135.929.432.881
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	213.489.991	213.362.897
<b>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>149.284.294</b>	<b>147.048.691</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	84.316.951	82.146.100
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	64.967.343	64.902.591
<b>Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</b>	<b>225.695.281</b>	<b>217.792.354</b>
<b>Cộng</b>	<b>145.651.906.043</b>	<b>136.507.636.823</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>145.426.210.762</b>	<b>136.289.844.469</b>
- Nhà đầu tư trong nước	145.162.559.654	136.026.470.941
- Nhà đầu tư nước ngoài	263.651.108	263.373.528
<b>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>	<b>225.695.281</b>	<b>217.792.354</b>
<b>Cộng</b>	<b>145.651.906.043</b>	<b>136.507.636.823</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	57.324.579.945	165.098.339.833
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.860.810.954	765.717.808
- Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.568.423.483	7.717.624.574
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.886.673.480	4.034.194.477
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	346.016.625	363.433.799
- Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	160.000.000	1.130.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.146.504.487</b>	<b>179.109.310.491</b>

**28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	95.883.988.248	125.012.148.863
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	176.818.815	350.690.031
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.923.175.917	3.353.926.417
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	541.272.878	524.474.302
- Chi phí dịch vụ khác	330.000	1.011.698
<b>Cộng</b>	<b>99.525.585.858</b>	<b>129.242.251.311</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí lãi vay	18.171.616	275.602.849
<b>Cộng</b>	<b>18.171.616</b>	<b>275.602.849</b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí lương và các khoản phúc lợi	5.792.183.751	6.707.649.691
- Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	41.644.603	191.748.407
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.399.996	45.399.996
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.100.000	136.375.347
- Chi phí (hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(987.219.000)	(3.560.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.160.159.775	1.355.268.249
- Chi phí khác	1.160.651.657	1.567.700.179
<b>Cộng</b>	<b>8.217.920.782</b>	<b>6.444.141.869</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(39.593.195.733)</b>	<b>43.067.056.942</b>
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>	<b>36.414.754.315</b>	<b>(32.611.604.251)</b>
- Trừ: (Lãi)/Lỗ chưa thực hiện	39.140.824.665	(29.084.604.251)
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.726.070.350	(75.000.000)
- Cộng: Chi phí không được trừ		(3.452.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(3.178.441.418)</b>	<b>10.455.452.691</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.091.090.537</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	7.828.164.933	(5.816.920.851)
	<b>7.828.164.933</b>	<b>(5.816.920.851)</b>

**33. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(31.765.030.800)	35.159.045.554
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	83.000.000	83.000.000
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>(383)</b>	<b>424</b>

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
Bà Đậu Thị Thảo	Phụ trách Kế toán của Công ty là Trưởng ban BKS của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
Bà Nguyễn Phương Dung	Trưởng Ban kiểm soát của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group
Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn & dịch vụ Mandala	Bà Hoàng Thị Huyền - Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn & dịch vụ Mandala.
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana	Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Cotana

Và các bên liên quan khác được công bố trên Báo cáo tình hình quản trị công ty số 02/2025/BCQT-APEC ngày 28/07/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Số dư với bên liên quan:**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương</b>	<b>76.015.368.000</b>	<b>85.930.416.000</b>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	76.015.368.000	85.930.416.000
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	-	-
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group</b>	<b>129.765.407.829</b>	<b>129.666.583.121</b>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	125.998.955.121	125.998.955.121
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	3.597.188.000	3.597.188.000
Phải trả khác ngắn hạn	169.264.708	70.440.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam</b>	<b>79.733.989.700</b>	<b>99.453.830.900</b>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	77.236.044.700	96.955.885.900
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	2.497.945.000	2.497.945.000

**Giao dịch với bên liên quan:**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam</b>	<b>549.364.264</b>	<b>1.557.401.728</b>
Thuê văn phòng	549.364.264	527.401.728
Cung cấp dịch vụ đại lý, tư vấn	-	1.030.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương</b>	<b>255.407</b>	<b>324.298</b>
Dịch vụ tư vấn quản trị	-	-
Phí Giao dịch, phí lưu ký, phí TTBT	255.407	324.298
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group</b>	<b>197.649.416</b>	<b>238.265.583</b>
Cung cấp dịch vụ tư vấn, lưu ký	-	2.000.000
Thuê văn phòng	197.649.416	236.265.583
<b>Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn &amp; Dịch vụ Mandala</b>	<b>47.706.802</b>	<b>23.400.000</b>
Voucher tiền khách sạn	6.742.000	23.400.000
Chi phí tổ chức hội nghị	40.964.802	-

**Thù lao, thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị	683.542.807	520.223.162
	<b>683.542.807</b>	<b>520.223.162</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á  
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2025

đến 30/06/2025

**B09a-CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)


**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**


*Chi tiết lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:*

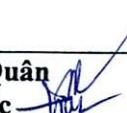
Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		<b>223.714.577</b>	<b>111.875.001</b>
Nguyễn Đoàn Tùng	Chủ tịch HĐQT	106.133.932	8.333.333
Hồ Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	27.580.645	4.166.667
Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	30.000.000	4.166.667
Phạm Duy Hưng	Thành viên HĐQT	-	4.166.667
Vanfleteren Zamiel	Thành viên HĐQT	30.000.000	4.166.667
Vũ Trọng Quân	Chủ tịch HĐQT	-	57.291.667
Phạm Hoài Phương	Thành viên HĐQT	-	29.583.333
Nguyễn Đức Quân	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>42.000.000</b>	-
Nguyễn Phương Dung	Trưởng ban	18.000.000	-
Nguyễn Quang Học	Thành viên	12.000.000	-
Hoàng Thị Huyền	Thành viên	12.000.000	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>417.828.230</b>	<b>408.348.162</b>
Nguyễn Đức Quân	Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	417.828.230	408.348.162
<b>Cộng</b>		<b>683.542.807</b>	<b>520.223.163</b>

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

  
Nguyễn Thu Phương  
Người lập biểu

  
Đậu Thị Thảo  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Đức Quân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

